

Thứ ba, ngày 12 tháng 11 năm 2019

Vietnam Daily Review

Phiên tăng điểm nhẹ

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 13/11/2019			•
Tuần 11/11-15/11/2019			•
Tháng 11/2019		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Trong phiên sáng, VN-Index nỗ lực hồi phục về ngưỡng 1,020 điểm khi nhóm các cổ phiếu BID, VIC, VCB, GAS, SAB đồng thuận tăng giá. Mặc dù vẫn duy trì được sắc xanh trong phiên chiều, đà tăng của chỉ số có phần giảm tốc khi VNM và VHM ghi nhận nhịp điều chỉnh. Thị trường có phiên hồi phục nhẹ đồng pha với các TTCK chủ chốt khác trong khu vực. Trong bối cảnh VN-Index có sự cải thiện về điểm số nhưng vẫn chưa chinh phục được ngưỡng kháng cự cao 1,020 điểm, BSC giữ quan điểm chỉ số sẽ tiếp tục vận động trong vùng giá quanh ngưỡng này trước khi quay lại xu hướng tăng. Trong thời điểm hiện tại, những thông tin về chiến tranh thương mại sẽ vẫn phần nào chi phối tâm lý nhà đầu tư.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 935 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 12/11/2019, phần lớn chứng quyền đều giảm trái chiều cùng chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch tăng mạnh. VIC đang điều chỉnh giảm ngắn hạn sau khi không thành công vượt qua cản tại mốc 122.50. Thanh khoản tăng đồng thuận với tín hiệu điều chỉnh bởi các chỉ báo động lượng. Vận động giảm ngắn hạn của VIC có thể tạo áp lực giảm giá với chứng quyền của cổ phiếu này trong những phiên tới.

Danh mục i-Invest: Theme_Dầu khí_ 0.8%, 9/18 danh mục Chủ đề có hiệu suất tốt hơn VNINDEX. Đặc biệt, **Dầu khí** - với sự khởi sắc của dòng cổ phiếu dầu khí - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **0.8%**, con số này của VNINDEX là 0.2%.

Phân tích kỹ thuật: DPG_Hướng về đỉnh cũ (Trang 3)

Các mã cổ phiếu tăng giá theo như dự báo của BSC bao gồm: **PNJ, KDH, ANV, TCB, BID**

Điểm nhấn

- VN-Index **+1.58 điểm**, đóng cửa 1,018.33. HNX-Index **+0.20 điểm**, đóng cửa 106.96.
- Kéo chỉ số tăng: **BID (+0.96); VIC (+0.49); VCB (+0.44); GAS (+0.39); FPT (+0.20).**
- Kéo chỉ số giảm: **VNM (-0.90); VHM (-0.87); VPB (-0.17); MBB (-0.10); KDH (-0.08).**
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **3,484 tỷ đồng**, **-2.0%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 5.87 điểm. Thị trường có 185 mã tăng, 53 mã tham chiếu và 150 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **150.77 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm VNM (173.25 tỷ), VIC (53.76 tỷ) và SSI (12.20 tỷ). Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **5.40 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

mydh@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Investment - i-Invest

Lương Minh Hiền

hienlm@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX

1018.33

Giá trị: 3484.61 tỷ

1.58 (0.16%)

Khối ngoại (ròng): -150.77 tỷ

HNX-INDEX

106.96

Giá trị: 211.01 tỷ

0.2 (0.19%)

Khối ngoại (ròng): 5.4 tỷ

UPCOM-INDEX

56.80

Giá trị: 381.1 tỷ

0.08 (0.14%)

Khối ngoại (ròng): -33.83 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	57.1	0.39%
Giá vàng	1,455	-0.09%
Tỷ giá USD/VND	23,200	0.00%
Tỷ giá EUR/VND	25,630	
Tỷ giá JPY/VND	21,243	-0.16%
LS liên NH 1 tháng	2.5%	4.21%
LS TPCP 5 năm	2.5%	-1.98%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HPG	33.7	VNM	173.3
VHM	27.8	VIC	54.1
ROS	23.3	SSI	12.2
VRE	20.0	POW	9.9
BID	11.8	VJC	6.6

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Cập nhật hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cổ phiếu lớn	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
iBroker	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10



Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video giới thiệu danh mục Chủ đề

[Link](#)
[Link](#)

* **9/18 danh mục** Chủ đề có hiệu suất **khả quan và tốt hơn VNINDEX**. Đặc biệt, với sự khởi sắc của dòng cổ phiếu dầu khí, danh mục **Dầu khí** có mức hiệu suất phiên hôm nay ấn tượng **0.8%**.

* Các danh mục **Mục tiêu** và **Khẩu vị Rủi ro** tiếp tục có hiệu suất thể hiện tính an toàn hơn thị trường chung:

- **9/18 danh mục** Mục tiêu có mức hiệu suất tuần **tốt hơn VNINDEX**

- **6/7 danh mục** Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất tuần **tốt hơn VNINDEX**

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Dầu khí_0.8%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề						
Dầu khí	0.8%	-1.4%	1.8%	0.3%	-7.5%	2.3%	23.0%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	0.4%	0.5%	1.1%	-2.0%	-3.1%	19.1%	53.1%
Hàng tiêu dùng	0.3%	-0.2%	-2.1%	-0.2%	5.0%	11.6%	63.6%
Bảo hiểm & Chứng khoán	0.3%	-0.1%	1.3%	-0.7%	-7.4%	-7.8%	53.2%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	0.3%	-0.1%	2.0%	5.8%	13.2%	21.5%	97.1%
Xây dựng & Vật liệu XD	0.3%	-0.5%	-0.9%	1.4%	-2.5%	-0.6%	-3.0%
Nước & Năng lượng	0.2%	-0.4%	0.5%	2.6%	-1.8%	13.9%	53.6%
Chiến tranh thương mại	0.2%	0.5%	-1.4%	-4.9%	-5.8%	-1.1%	10.4%
Ngân hàng	0.2%	0.4%	2.2%	15.1%	18.6%	18.9%	94.2%
Cổ phiếu hết room ngoại	0.0%	-0.7%	0.9%	7.2%	16.2%	19.0%	85.0%
MSCI frontier 100 Việt Nam	-0.1%	-0.7%	2.6%	4.7%	0.7%	12.2%	85.0%
Vật liệu Xây dựng	-0.1%	-0.3%	1.4%	2.7%	3.4%	9.6%	10.1%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	-0.1%	-0.1%	2.4%	12.1%	10.4%	8.7%	47.1%
Top 10 cổ phiếu VN30	-0.2%	-1.0%	0.3%	6.4%	8.2%	13.2%	75.0%
BĐS & Khu công nghiệp	-0.2%	0.0%	1.6%	2.9%	5.7%	11.3%	64.8%
FTSE Việt Nam	-0.3%	-0.7%	3.4%	6.6%	3.6%	16.8%	91.2%
Lãi suất giảm	-0.6%	-0.5%	-2.0%	-0.4%	-0.4%	3.5%	54.6%
Xây dựng	-0.9%	-0.4%	-6.5%	-2.3%	-8.4%	-7.5%	24.3%

Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.						
Danh mục 8	0.5%	-0.1%	1.5%	3.6%	10.2%	18.5%	62.4%
Danh mục 12	0.5%	-0.6%	2.4%	6.0%	12.6%	26.8%	93.5%
Danh mục 18	0.4%	0.4%	1.1%	2.6%	-0.5%	7.3%	124.4%
Danh mục 16	-0.3%	-1.4%	-0.6%	4.2%	17.0%	24.6%	75.9%
Danh mục 11	-0.4%	-1.5%	-1.6%	1.8%	7.6%	24.7%	105.7%

* Note **9/18 danh mục** Mục tiêu có mức hiệu suất tuần **tốt hơn VNINDEX**

Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.						
Danh mục 20	0.7%	0.7%	2.3%	5.6%	14.7%	23.2%	61.1%
Danh mục 23	0.5%	0.3%	0.1%	0.8%	7.2%	39.1%	141.3%
Danh mục 19	0.4%	0.4%	1.5%	7.7%	15.7%	29.3%	64.7%
Danh mục 24	0.1%	-1.2%	1.4%	3.0%	17.8%	38.9%	104.9%
Danh mục 22	-0.1%	-0.5%	0.4%	5.2%	14.8%	29.1%	76.8%

* Note **6/7 danh mục** Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất tuần **tốt hơn VNINDEX**

INDEX							
VNINDEX	0.2%	-0.6%	2.5%	5.1%	4.3%	10.4%	50.5%
VN30INDEX	0.0%	-0.3%	1.9%	6.7%	5.5%	4.5%	46.2%

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

BSC RESEARCH

11/12/2019

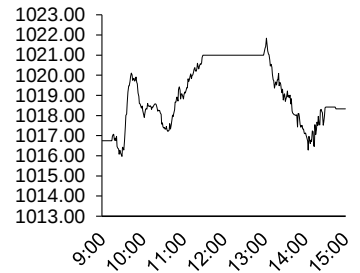
Vietnam Daily Review

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

Hình 1

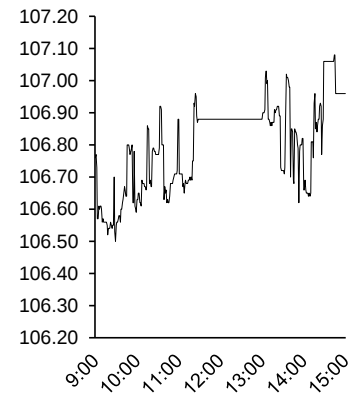
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Công nghệ Thông tin	1.4%
Ô tô và phụ tùng	1.4%
Tài nguyên Cơ bản	1.0%
Dầu khí	0.7%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.7%
Hóa chất	0.6%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.6%
Du lịch và Giải trí	0.5%
Ngân hàng	0.4%
Dịch vụ tài chính	0.4%
Bán lẻ	0.4%
Bảo hiểm	0.4%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.1%
Y tế	0.0%
Xây dựng và Vật liệu	0.0%
Bất động sản	-0.1%
Truyền thông	-0.4%
Thực phẩm và đồ uống	-0.4%
Viễn thông	-3.0%

Nguồn: FiinPro

Phân tích kỹ thuật

DPG_Hướng về đỉnh cũ

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: đường MACD duy trì trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: tăng dần trên mốc 50 và chưa đi vào vùng quá mua.
- Đường MA: EMA12 ở trên EMA26.

Nhận định: DPG đang ở trong trạng thái tăng giá ngắn hạn khi đã tăng giá trong hơn 3 tuần này với xuất phát điểm là nền giá 42. Thanh khoản cổ phiếu trong phiên hôm nay tăng cao hơn những phiên trước đó đã đẩy giá DPG vượt khỏi ngưỡng kháng cự tại mốc 48. Các chỉ báo xu hướng đều ủng hộ cho trạng thái tích cực của cổ phiếu. Bên cạnh đó, việc chỉ báo động lượng RSI chưa đi vào vùng quá mua cho thấy dư địa tăng vẫn còn. Nhìn chung, DPG đang vận động hướng về vùng đỉnh lịch sử tại khu vực giá xung quanh 54 và có thể chúng ta sẽ sớm nhìn thấy cổ phiếu chinh phục lại mục tiêu này.



Nguồn: BSC, PTKT Iboard

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

PNJ_Tăng giá

[Link](#)

BID_Tiến về vùng đỉnh cũ

[Link](#)

KDH_Bứt phá

[Link](#)

ANV_Hồi phục

[Link](#)

TCB_Tín hiệu tích cực

[Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 12/11/2019

*Mặt hàng	ĐVT	Sáng 12/11	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	56.84	-0.73%	0.51%	3.46%	-5.18%	GAS, BSR	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	62.14	-0.59%	0.02%	2.59%	-11.37%	GAS, BSR	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	1.61	-1.51%	-3.53%	-0.51%	-1.94%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1455.10	-0.22%	-3.58%	-2.51%	21.21%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	16.84	0.26%	-6.77%	-4.68%	20.51%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	903.65	-1.71%	-2.39%	-3.92%	3.66%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	505.98	-0.73%	-0.64%	-0.88%	-2.55%		AFX
Sữa	USD /cwt	20.18	0.80%	-0.05%	8.55%	39.08%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	163.00	2.58%	4.55%	8.23%	18.55%	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	12.59	0.16%	0.48%	0.40%	-2.86%	SBT, LSS	VNM, GTN
Chè	USD/kg	3.41	0.00%	5.25%	8.60%	5.57%	GTN, DLG	DLG
Cà phê	UScent/lb	106.35	-2.83%	2.27%	11.76%	-3.77%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	2.65	-0.90%	-0.49%	1.15%	-0.90%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	CNY/ton	3481.00	-1.11%	0.29%	-4.16%	-16.54%	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1807.50	-0.30%	1.20%	3.64%	-6.93%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	80.00	-1.84%	-3.61%	-13.98%	5.96%	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	69.03	-1.32%	-1.50%	1.43%	-35.21%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Chốt phiên giao dịch đêm qua, dầu thô Brent giảm 33 US cent còn 62.18 USD/thùng, trong khi dầu thô Tây Texas WTI giảm 38 US cent xuống 56.86 USD/thùng.
- Giá dầu giảm trong phiên giao dịch vừa qua do nghi ngờ về kết quả các cuộc đàm phán thương mại Mỹ - Trung, mặc dù lượng tồn trữ dầu ở Mỹ giảm. Tổng thống Mỹ Donald Trump thứ 7 vừa qua thông báo rằng các cuộc đàm phán thương mại với Trung Quốc đang "rất thuận lợi" nhưng Mỹ sẽ chỉ ký thỏa thuận nếu điều đó có lợi cho Mỹ.

Giá vàng

- Vàng giao ngay trên sàn LBMA giảm 0.1% xuống 1,456.98 USD/ounce vào cuối phiên và vàng kỳ hạn tháng 12/2019 trên sàn New York giảm 0.4% xuống 1,457.10 USD/ounce. Giá vàng giảm xuống mức thấp nhất trong vòng hơn 3 tháng do chứng khoán Mỹ tăng điểm lên sát mức cao kỷ lục, giữa bối cảnh các nhà đầu tư chờ đợi những thông tin mới về đàm phán thương mại Mỹ - Trung. Chứng khoán Mỹ tăng lên sát mức cao kỷ lục như đã đạt được vào tuần trước khi nhà đầu tư đang có xu hướng tìm tới những tài sản có nhiều rủi ro nhưng mang lại lợi nhuận cao hơn.

Giá quặng sắt

- Hợp đồng quặng sắt kỳ hạn tháng 1/2020 trên sàn giao dịch hàng hóa Đại Liên giảm 2.4% xuống 592 CNY (84.64 USD)/tấn. Giá quặng sắt tại Trung Quốc giảm tiếp xuống mức thấp nhất 2.5 tháng, là phiên thứ 4 liên tiếp đi xuống, do nhu cầu chậm lại giữa bối cảnh lĩnh vực sản xuất yếu đi và các nhà máy giảm nhu cầu mua dự trữ. Giá sản xuất của Trung Quốc tháng 10/2019 giảm nhiều nhất trong vòng hơn 3 năm do nhu cầu trong lĩnh vực chế tạo chậm lại và ảnh hưởng tiếp diễn từ cuộc chiến thương mại với Mỹ.
- Thép cây trên sàn Thượng Hải giảm 1.1% xuống 3,373 CNY/tấn, thép cuộn cán nóng kỳ hạn tháng 1/2020 giảm 1% xuống 3,321 CNY/tấn.

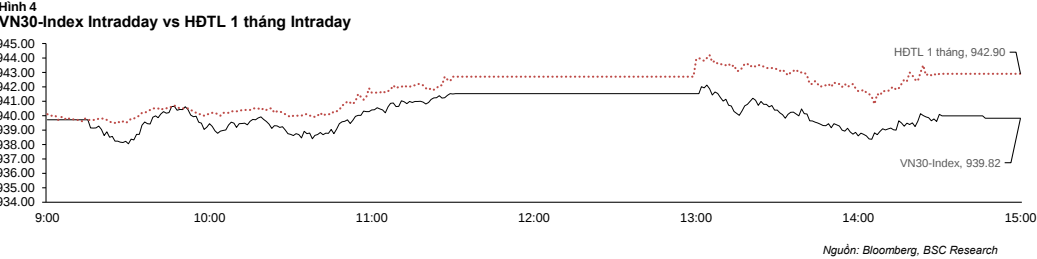
Giá cao su

- Hợp đồng cao su kỳ hạn tháng 4/2020 trên sàn giao dịch hàng hóa Tokyo (TOCOM) tăng 1.2 JPY (0.01%) lên 178.5 JPY/kg. Cao su kỳ hạn tháng 1/2020 trên sàn giao dịch kỳ hạn Thượng Hải giảm 110 CNY (15.7 USD) xuống 11,935 CNY/tấn.
- Giá cao su trên sàn Tokyo (TOCOM) kết thúc phiên vừa qua tăng mặc dù giá ở Thượng Hải giảm. Nguyên nhân bởi đang có nhiều thông tin trái chiều. Thị trường lại dấy lên nghi ngờ về triển vọng thỏa thuận thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc, giữa bối cảnh lo ngại nguồn cung dư thừa sẽ gây áp lực lên giá cao su, mặc dù ở các nước sản xuất chủ chốt đang có dịch bệnh trên cây cao su.

Giá nông sản

- Cà phê robusta kỳ hạn tháng 1/2020 trên sàn London giảm 3.45 US cent (0.7%) xuống 1.06 USD/lb. Cà phê arabica trên sàn New York kỳ hạn tháng 12/2019 giảm 0.7% (9 USD) xuống 1.375 USD/tấn.
- Giá đường thô kỳ hạn tháng 3/2020 vững ở 12.57 US cent/lb. Giá đường trắng kỳ hạn tháng 12/2019 giảm nhẹ 0.6% xuống 332.9 USD/tấn. Giá đường vững trong phiên vừa qua bởi dự báo nguồn cung sẽ khan hiếm, nhưng lại có thông tin khu vực Trung - Nam Brazil sản xuất đường nhiều hơn so với cùng thời điểm năm ngoái.

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Điểm	%	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F1911	942.90	0.39%	3.08	71.4%	53717	11/21/2019	11
VN30F1912	943.70	0.49%	3.88	36.1%	181	12/19/2019	39
VN30F2003	943.00	0.34%	3.18	15.4%	15	3/19/2020	130
VN30F2006	944.40	0.43%	4.58	92.9%	54	6/18/2020	221

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

- Nhận định:**
- VN30 Index tăng nhẹ 0.10 điểm, giữ tại mức 939.82 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như FPT, HPG, VNM, và VPB, tác động mạnh đến vận động tích lũy của VN30. Trong phiên sáng, VN30 vận động tích lũy quanh vùng giá 939-940 điểm, trước khi tăng nhẹ cuối phiên. Trong phiên chiều, VN30 điều chỉnh giảm, trước khi phục hồi lên trên mốc tham chiếu. Thanh khoản giảm, VN30 có thể tích lũy dưới 940 điểm trong những phiên tiếp theo.
 - Các HDTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, các hợp đồng đều giảm. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2003, các hợp đồng đều tăng. Điều này báo hiệu điều chỉnh giảm trong ngắn hạn và cả dài hạn. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 935 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CDPM1901	KIS	1/9/2020	58	1:1	196,350	177.6%	1.5 triệu	26.42%	1,900	1,750	13.64%	761.80	2.30
CFPT1904	MBS	11/19/2019	7	3:1	435,740	1.7%	3.0 triệu	20.19%	1,700	2,910	11.49%	3,015.80	0.96
CHPG1905	SSI	12/30/2019	48	1:1	170,930	43.5%	1.0 triệu	25.83%	3,300	1,370	6.20%	880.40	1.56
CFPT1906	HSC	4/8/2020	148	5:1	424,950	222.6%	5.0 triệu	20.19%	1,700	2,120	6.00%	1,240.10	1.71
CFPT1903	SSI	12/30/2019	48	1:1	78,850	92.4%	2.0 triệu	20.19%	6,000	16,300	3.82%	16,146.10	1.01
CFPT1905	SSI	4/22/2020	162	1:1	64,460	145.5%	1.0 triệu	20.19%	9,900	11,060	2.79%	7,883.70	1.40
CHPG1907	SSI	4/22/2020	162	1:1	103,840	173.5%	1.0 triệu	25.83%	4,200	4,210	1.45%	3,017.20	1.40
CVJC1902	SSI	4/22/2020	162	1:1	11,560	-7.3%	1.0 triệu	14.97%	27,900	29,200	0.27%	16,964.40	1.72
CMBB1903	SSI	4/22/2020	162	1:1	147,510	63.3%	3.0 triệu	16.82%	4,000	4,020	0.25%	2,117.00	1.90
CMWG1907	HSC	4/8/2020	148	10:1	195,320	-45.6%	5.0 triệu	20.53%	1,900	1,650	0.00%	622.60	2.65
CMBB1905	HSC	4/8/2020	148	2:1	294,800	-52.0%	5.0 triệu	16.82%	1,700	1,730	-0.57%	696.30	2.48
CTCB1901	MBS	1/17/2020	66	2:1	174,180	-46.2%	2.0 triệu	20.34%	1,680	1,720	-0.58%	1,033.70	1.66
CMWG1902	VND	12/11/2019	29	4:1	104,580	257.9%	2.4 triệu	20.53%	2,990	8,200	-1.20%	8,159.80	1.00
CVHM1902	SSI	4/22/2020	162	1:1	18,420	64.3%	1.0 triệu	25.12%	18,600	22,100	-1.21%	15,916.40	1.39
CMBB1902	HSC	12/17/2019	35	1:1	140,350	-45.1%	1.0 triệu	16.82%	3,200	3,910	-2.01%	1,645.40	2.38
CVNM1903	SSI	4/22/2020	162	1:1	29,800	18.1%	1.0 triệu	18.14%	26,600	24,850	-2.17%	12,201.40	2.04
CVHM1901	KIS	2/7/2020	87	4:1	49,750	139.6%	5.0 triệu	25.12%	3,100	4,690	-3.10%	2,586.40	1.81
CMWG1904	SSI	12/30/2019	48	1:1	12,300	-16.7%	1.0 triệu	20.53%	14,000	34,090	-3.24%	32,860.50	1.04
CMWG1903	HSC	12/30/2019	48	5:1	53,840	-27.1%	2.0 triệu	20.53%	2,700	5,800	-3.33%	5,568.50	1.04
CVRE1902	HSC	4/8/2020	148	4:1	310,580	113.8%	5.0 triệu	24.84%	1,300	1,550	-6.06%	950.50	1.63
CHPG1902	KIS	12/11/2019	29	5:1	124,570	241.2%	6.0 triệu	25.83%	1,000	70	-12.50%	-	
CVNM1901	KIS	12/13/2020	397	10:1	727,820	N/a	5.0 triệu	18.56%	1,200	200	-20.00%	-	
Tổng:					8,849,210		113.2 triệu	20.79%**					
Chú thích:					Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất					CR: Tỷ lệ chuyển đổi			
					Lãi suất phi rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn			
					**Trung bình độ lệch chuẩn					*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes			

- Nhận định:**
- Trong phiên giao dịch ngày 12/11/2019, phần lớn chứng quyền đều giảm trái chiều cùng chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch tăng mạnh.
 - Về giá, ngoại trừ các chứng quyền đáo hạn trong ngày hôm nay là CHP1906, CMSN1901, CVIC1901, và CVRE1901, CVNM1901 và CHPG1902 giảm mạnh nhất lần lượt là -20.00% và -12.50%, trong khi, CDPM1901 và CFPT1904 tăng mạnh nhất lần lượt là 13.64% và 11.49%. Thanh khoản thị trường tăng mạnh 42.72%. CVRE1901 có khối lượng giao dịch nhiều nhất, chiếm 24.96% thị trường.
 - Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là FPT, MWG, VHM, VJC và REE, hầu hết các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CMWG1904 và CFPT1903 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CMWG1902 và CFPT1903 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. VIC đang điều chỉnh giảm ngắn hạn sau khi không thành công vượt qua cản tại mốc 122.50. Thanh khoản tăng đồng thuận với tín hiệu điều chỉnh bởi các chỉ báo động lượng. Vận động giảm ngắn hạn của VIC có thể tạo áp lực giảm giá với chứng quyền của cổ phiếu này trong những phiên tới.

Tổ Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
FPT	61.00	1.67	0.75
HPG	23.00	0.88	0.46
MSN	75.00	0.67	0.32
VIC	119.40	0.42	0.31
VJC	143.50	0.49	0.25

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VNM	127.5	-1.39	-1.25
VPB	21.7	-1.14	-0.58
VHM	97.8	-0.91	-0.47
MBB	23.3	-0.64	-0.28
STB	10.8	-0.46	-0.13

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CDPM1901	15,888	13,988	14,200
CFPT1904	57,100	52,000	61,000
CHPG1905	93,300	23,100	23,000
CFPT1906	65,500	57,000	61,000
CFPT1903	56,154	45,140	61,000
CFPT1905	64,900	55,000	61,000
CHPG1907	25,200	21,000	23,000
CVJC1902	157,900	130,000	143,500
CMBB1903	26,000	22,000	23,300
CMWG1907	144,000	125,000	122,300
CMBB1905	26,400	23,000	23,300
CTCB1901	26,860	23,500	25,150
CMWG1902	48,130	90,000	122,300
CVHM1902	103,600	85,000	97,800
CMBB1902	26,300	21,800	23,300
CVNM1903	146,600	120,000	127,500
CVHM1901	102,288	89,888	97,800
CMWG1904	165,000	90,000	122,300
CMWG1903	25,800	95,000	122,300
CVRE1902	37,700	32,500	34,700
CHPG1902	166,285	41,999	23,000
CVNM1901	46,340	156,285	127,500

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	122.3	0.3%	0.7	2,354	2.8	8,321	14.7	4.8	49.0%	37.7%
PNJ	Bán lẻ	85.3	0.7%	1.0	825	1.7	4,839	17.6	4.6	49.0%	28.6%
BVH	Bảo hiểm	73.8	0.3%	1.3	2,249	0.4	1,889	39.1	3.3	25.3%	8.7%
PVI	Bảo hiểm	32.1	0.3%	0.7	323	0.1	2,801	11.5	1.1	54.3%	9.6%
VIC	Bất động sản	119.4	0.4%	1.0	17,370	0.8	1,589	75.1	5.1	15.1%	7.8%
VRE	Bất động sản	34.7	0.0%	1.1	3,513	4.8	1,033	33.6	2.8	31.8%	8.8%
NVL	Bất động sản	58.1	0.0%	0.8	2,350	0.8	3,187	18.2	2.6	7.4%	15.5%
REE	Bất động sản	37.6	-0.1%	1.0	507	1.3	5,614	6.7	1.2	49.0%	18.6%
DXG	Bất động sản	16.1	-1.2%	1.4	370	1.7	3,215	5.0	1.0	46.0%	25.9%
SSI	Chứng khoán	21.7	-0.2%	1.4	478	1.4	1,769	12.2	1.1	56.6%	9.4%
VCI	Chứng khoán	34.1	0.1%	1.0	243	0.2	5,067	6.7	1.5	38.1%	24.7%
HCM	Chứng khoán	25.6	2.2%	1.5	339	1.5	1,287	19.9	1.8	57.4%	10.2%
FPT	Công nghệ	61.0	1.7%	0.8	1,799	7.5	4,688	13.0	3.0	49.0%	24.9%
FOX	Công nghệ	47.5	3.3%	0.4	514	0.0	4,156	11.4	2.9	0.1%	27.7%
GAS	Dầu khí	105.0	0.7%	1.5	8,738	0.8	5,886	17.8	4.4	3.6%	26.1%
PLX	Dầu khí	59.6	0.8%	1.5	3,086	1.8	3,467	17.2	3.2	13.4%	19.5%
PVS	Dầu khí	18.9	0.0%	1.7	393	1.3	2,062	9.2	0.7	22.3%	8.5%
BSR	Dầu khí	10.1	2.0%	0.8	1,362	0.9	1,163	8.7	1.0	41.1%	11.0%
DHG	Dược	94.0	0.1%	0.5	534	0.1	4,535	20.7	3.9	54.4%	19.4%
DPM	Hóa chất	14.2	3.6%	0.7	242	0.2	650	21.9	0.7	19.1%	3.7%
DCM	Hóa chất	7.1	-1.0%	0.6	164	0.1	625	11.4	0.6	2.5%	5.5%
VCB	Ngân hàng	91.7	0.4%	1.3	14,787	2.4	5,274	17.4	4.2	23.9%	27.1%
BID	Ngân hàng	42.1	1.9%	1.5	7,362	2.7	2,109	20.0	2.6	3.4%	13.5%
CTG	Ngân hàng	22.0	0.2%	1.6	3,562	2.6	1,641	13.4	1.1	30.0%	8.5%
VPB	Ngân hàng	21.7	-1.1%	1.2	2,265	1.6	3,341	6.5	1.3	23.2%	22.7%
MBB	Ngân hàng	23.3	-0.6%	1.1	2,356	4.5	3,261	7.1	1.4	20.0%	21.8%
ACB	Ngân hàng	24.7	0.0%	1.1	1,779	1.7	3,585	6.9	1.6	44.3%	25.9%
BMP	Nhựa	52.4	-0.6%	0.8	187	0.1	5,073	10.3	1.7	80.0%	16.5%
NTP	Nhựa	31.9	0.0%	0.3	136	0.0	4,603	6.9	1.2	20.7%	17.8%
MSR	Tài nguyên	16.9	-1.2%	1.2	661	0.0	732	23.1	1.3	2.0%	5.6%
HPG	Thép	23.0	0.9%	1.0	2,761	6.5	2,526	9.1	1.4	37.6%	17.4%
HSG	Thép	7.9	6.9%	1.6	145	3.5	890	8.9	0.6	16.6%	6.8%
VNM	Tiêu dùng	127.5	-1.4%	0.7	9,653	10.8	5,527	23.1	8.1	58.9%	36.5%
SAB	Tiêu dùng	255.0	0.0%	0.8	7,110	0.2	7,365	34.6	9.1	63.4%	28.4%
MSN	Tiêu dùng	75.0	0.7%	1.2	3,812	1.3	4,512	16.6	2.6	40.0%	20.5%
SBT	Tiêu dùng	18.9	0.0%	0.5	482	1.0	440	43.0	1.5	6.2%	3.5%
ACV	Vận tải	77.9	0.1%	0.8	7,373	0.1	2,630	29.6	5.5	3.7%	19.7%
VJC	Vận tải	143.5	0.5%	1.1	3,268	2.5	9,850	14.6	5.5	19.9%	43.3%
HVN	Vận tải	36.2	0.6%	1.7	2,229	0.7	1,747	20.7	2.8	9.9%	13.4%
GMD	Vận tải	25.1	-0.4%	0.8	324	0.3	1,949	12.9	1.2	49.0%	9.7%
PVT	Vận tải	17.3	0.9%	0.6	211	0.2	2,571	6.7	1.2	31.0%	18.2%
VCS	Vật liệu xây dựng	87.8	0.7%	0.9	611	0.7	8,338	10.5	4.4	2.1%	45.8%
VGC	Vật liệu xây dựng	18.8	0.0%	0.8	366	0.3	1,398	13.4	1.3	13.6%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	15.6	1.3%	0.8	258	0.1	1,912	8.1	1.1	6.2%	13.8%
CTD	Xây dựng	71.3	-2.3%	0.7	237	0.5	9,842	7.2	0.7	48.4%	9.3%
VCG	Xây dựng	27.3	0.7%	1.1	524	0.4	1,557	17.5	1.8	0.5%	10.4%
CII	Xây dựng	24.3	0.6%	0.5	261	0.3	1,845	13.1	1.1	51.7%	8.8%
POW	Điện	13.4	0.0%	0.6	1,364	1.0	820	16.3	1.3	14.1%	7.8%
NT2	Điện	23.3	1.1%	0.6	291	0.2	2,721	8.5	1.6	19.4%	20.0%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BID	42.10	1.94	0.81	1.50MLN
VIC	119.40	0.42	0.49	158520.00
VCB	91.70	0.44	0.44	595820.00
GAS	105.00	0.67	0.39	177250.00
FPT	61.00	1.67	0.20	2.84MLN

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
MBG	51.00	5.37	0.05	243700.00
PTI	15.80	8.97	0.03	24300.00
HHC	114.50	2.23	0.02	1400.00
HUT	2.70	3.85	0.02	5.13MLN
PVX	1.20	9.09	0.02	440200.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VNM	127.50	-1.39	-0.92	1.93MLN
VHM	97.80	-0.91	-0.89	1.38MLN
VPB	21.65	-1.14	-0.18	1.72MLN
MBB	23.30	-0.64	-0.10	4.43MLN
KDH	26.25	-2.05	-0.09	281340.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DNP	15.70	-4.85	-0.05	8200.00
TIG	5.70	-3.39	-0.02	914500.00
C69	12.80	-9.86	-0.01	95600.00
SHN	8.90	-1.11	-0.01	1200.00
SDG	33.00	-9.59	-0.01	100.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
EMC	10.70	7.00	0.00	10.00
AGF	3.67	7.00	0.00	8850.00
HRC	46.90	6.96	0.03	10.00
SBV	6.77	6.95	0.00	1330.00
HSG	7.88	6.92	0.06	10.45MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HKB	0.70	16.7	0.01	21700.00
HBE	8.80	10.0	0.00	5100.00
PPP	12.10	10.0	0.00	100.00
SPP	2.20	10.0	0.01	77600.00
MAS	52.20	9.9	0.01	2600.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PTC	6.51	-7.00	0.00	60.00
TTB	15.35	-6.97	-0.02	480.00
VPS	10.05	-6.94	-0.01	100.00
NVT	9.29	-6.91	-0.02	35520.00
LAF	9.31	-6.90	0.00	5660.00

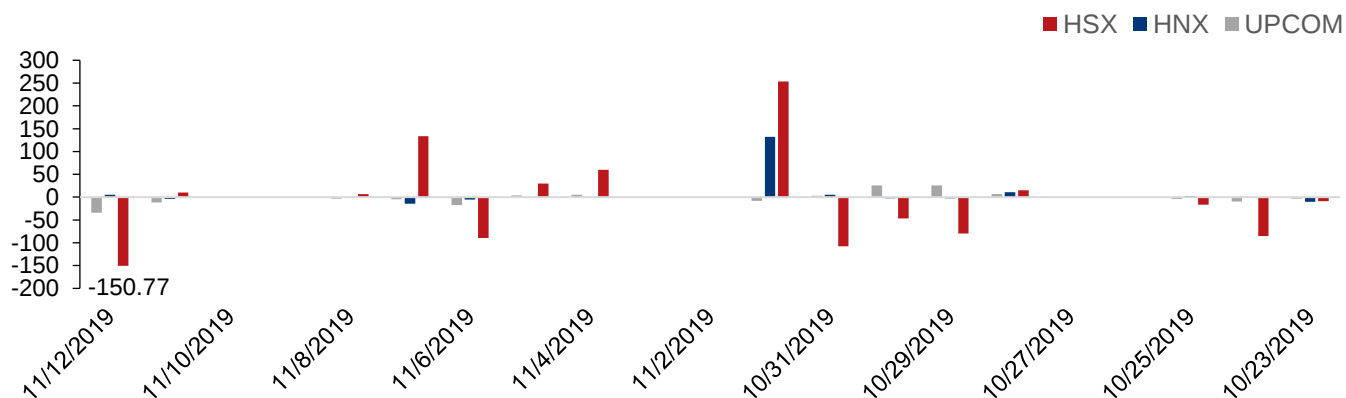
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DST	0.90	-10.00	0.00	455600.00
SAF	58.40	-9.88	-0.01	600.00
C69	12.80	-9.86	-0.01	95600.00
VC9	13.00	-9.72	-0.01	100.00
PBP	7.50	-9.64	0.00	4400.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
3	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
4	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
5	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
6	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
7	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
8	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019_Không nhiều	Phân tích vĩ mô		Click
9	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
10	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hỏi	Phân tích vĩ mô		Click
11	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		Click
12	2019M2_Biến động giảm co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click
13	2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp	Phân tích vĩ mô		Click
14	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click
15	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		Click
16	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		Click
17	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		Click
18	VM_M11_Giao dịch giảm co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		Click
19	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi	Phân tích vĩ mô		Click
20	Vĩ mô_ Quý 3/2018_Mùa công bố KQKD quý III	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	DGW	Bán lẻ	Mua	31/10/2019	25.5	30.8	26.9	3,491	7.7	1.3	Click
2	PC1	Điện	Mua mạnh	14/10/2019	20.0	29.1	19.3	2,246	8.6	0.9	Click
3	TRC	Cao su	Theo dõi	10/1/2019	38.0	N/a	39.0	3,678	10.6	0.7	Click
4	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	30/09/2019	78.5	82.7	75.0	4,512	16.6	2.6	Click
5	VNM	Tiêu dùng	Theo dõi	27/09/2019	130.0	142.1	127.5	5,527	23.1	8.1	Click
6	TPB	Ngân hàng	Theo dõi	27/09/2020	22.3	26.0	22.6	2,887	7.8	1.6	Click
7	REE	Công nghiệp	Mua	27/09/2021	39.5	48.0	37.6	5,614	6.7	1.2	Click
8	VHC	Thủy sản	Mua	25/09/2019	79.0	93.5	78.9	14,958	5.3	1.5	Click
9	LCG	Xây dựng	Mua	25/09/2019	9.6	11.3	8.6	2,279	3.8	0.6	Click
10	ACB	Ngân hàng	Mua	23/09/2019	22.2	26.3	24.7	3,585	6.9	1.6	Click
11	DIG	Bất động sản	Mua	23/09/2019	13.6	16.3	13.7	1,079	12.6	1.2	Click
12	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	17/09/2019	81.9	90.0	91.7	5,274	17.4	4.2	Click
13	DRC	Cao su	Theo dõi	13/09/2019	22.4	25.5	23.1	1,723	13.4	1.7	Click
14	MBB	Ngân hàng	Mua	9/10/2019	22.6	N/a	23.3	3,261	7.1	1.4	Click
15	DBD	Y tế	Theo dõi	9/5/2019	47.4	N/a	56.5	2,801	20.2	3.3	Click
16	GMD	Cảng biển	Mua	30/08/2019	27.9	37.6	25.1	1,949	12.9	1.2	Click
17	PAC	Hóa chất	Theo dõi	22/08/2018	30.1	28.5	26.0	3,391	7.7	1.8	Click
18	FPT	CNTT	Mua mạnh	22/08/2019	54.0	75.3	61.0	4,688	13.0	3.0	Click
19	GVR	Cao su	Mua	21/08/2019	16.5	19.2	13.8	649	21.3	1.2	Click
20	MWG	Bán lẻ	Mua	20/08/2019	117.9	171.4	122.3	8,321	14.7	4.8	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express STK 2019Q4	28/10/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu 21873; Giá tại Publish 19350 Lũy kế 9 tháng, STK đạt doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế lần lượt 1,653.4 tỷ đồng (-7.2% YoY) và 161.1 tỷ đồng (+22.8% YoY) qua đó hoàn thành lần lượt 63.5% KHDT và 80.7% KHLNST. Riêng Quý 3, doanh thu thuần chỉ đạt 554.2 tỷ (-5.9% YoY) do thị trường các mặt hàng truyền thống sợi nguyên sinh tiêu thụ chậm lại làm sản lượng sợi virgin giảm -12.2% trong 9T19 và giá bán sợi nguyên sinh giảm khiến doanh thu bán sợi virgin giảm 24.1%, nguyên nhân do tác động bán phá giá từ Trung Quốc sang Việt Nam. Nếu Mỹ tiếp tục áp thuế 15% lên 160 tỷ USD hàng Trung Quốc vào 15/12 này thì khả năng giá sợi sẽ tiếp tục khó khăn.
Express SBT 2019Q4	15/10/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 18700 Kết thúc niên độ 2018-2019 (18-19) , SBT đạt KQKD tiếp tục suy giảm do tình hình khó khăn chung của ngành đường. DTT và LNST đạt lần lượt là 10,857 tỷ đồng (+5.5% YoY) và 259.3 tỷ đồng (-52% YoY), tương đương EPS đạt 437 VND/CP, qua đó SBT chỉ hoàn thành được 94% kế hoạch doanh thu và 62% kế hoạch LNTT. Tổng sản lượng tiêu thụ đường tăng trưởng tốt đạt 749,000 tấn (+31% YoY) tuy nhiên sản lượng mía ép chỉ đạt 2,761 ngàn tấn (-26% YoY) khiến cho sản lượng đường sản xuất giảm còn 542 ngàn tấn (-10% YoY), nguyên nhân chủ yếu là do tình hình biến đổi khí hậu chịu ảnh hưởng bởi El Nino với nắng hạn kéo dài.
Express HT1 2019Q4	22/10/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 18200; Giá tại Publish 16000 Doanh thu thuần 9T2019 đạt 6,553 tỷ (+8.1% YoY), hoàn thành 73.4% kế hoạch năm nhờ: (1) Sản lượng 9T đạt 5.4 triệu tấn (+9.7% YoY); (2) Giá bán bình quân giảm do năm 2019 tỷ trọng tiêu thụ xi măng rời của HT1 tăng từ 27% (2018) lên khoảng 33% trong 2019. Tuy nhiên, HT1 cho biết trong Q3 công ty đã tiến hành rà soát lại giá bán, điều chỉnh tăng với những vùng có giá bán thấp bất hợp lý. Biến LNG trong 9T2019 tăng từ 16.4% cùng kỳ lên 17.1%, chúng tôi cho rằng biến LNG được cải thiện 1 phần nhờ hỗ trợ bởi giá than (khoảng 30% giá vốn) giảm khoảng 50,000 đồng/tấn (tương đương giảm 1.5-2%). Giá than công ty nhập trong T10 vẫn đang trong xu hướng giảm sẽ hỗ trợ biến LN trong Q4/2019.
Express PHR 2019Q4	15/10/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 59300 KQKD 9 tháng: DT đạt 685 tỷ đồng (+3% yoy) và LNST đạt 429 tỷ đồng (+23.4% yoy) đến chủ yếu từ doanh thu mủ cao su đạt đến từ sản lượng 20,281.6 tấn (+4.6% yoy) với giá bán bình quân lũy kế 33.5 triệu đồng/tấn (-1.7% yoy), giá bán bình quân tháng 9 đạt 32.3 triệu đồng, cho thấy mức giá cao su vẫn chưa phục hồi. So với kế hoạch đặt ra đạt 68% lợi nhuận sau thuế. Lũy kế thu mua 9 tháng, sản lượng thu mua giảm đạt 8,709 tấn (-12.5% yoy) giúp cải thiện biên lợi nhuận từ mức 6.6% lên 8.1% do mảng thu mua gần như không có lãi.
Express DRC 2019Q4	15/10/2019	KKhuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 28381; Giá tại Publish 24450 Doanh thu quý 3 đạt 1,013 tỷ đồng (+8.3% yoy), LNST đạt 82 tỷ (gấp 2.65 lần cùng kỳ), biến LNG cải mức 11.8% lên 13%. Doanh nghiệp duy trì chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp ở mức ổn định chiếm khoảng 4.4% doanh thu. Tỷ lệ giảm trừ doanh thu chiết khấu giảm từ 5.1% xuống còn 4.2%. Kết quả 9T2019 tương ứng hoàn thành 77% và 135% kế hoạch doanh thu và lợi nhuận năm 2019.

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong

Trần Thành Hưng

Nguyễn Hoàng Dương

Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn

hungtt@bsc.com.vn

duongnh@bsc.com.vn

nguyennh@bsc.com.vn